

QUAN HỆ VĂN HÓA VIỆT NAM - TRUNG HOA TỪ GÓC NHÌN TIẾP BIẾN VÀ NHỮNG HÀM Ý ĐỐI VỚI DẠY HỌC LỊCH SỬ - VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

LÊ THỊ THANH NGÀ
Trường Đại học Nha Trang

Nhận bài ngày 10/11/2025. Sửa chữa xong 30/12/2025. Duyệt đăng 06/01/2026.

Abstract

This article analyzes and compares historical and cultural sources to clarify the nature of Vietnam–China cultural relations from the perspective of acculturation. It argues that the similarities between Vietnamese and Chinese cultures are primarily the result of long-term interaction and processes of cultural exchange and adaptation, whereas their fundamental structural differences stem from indigenous factors, including natural conditions, wet-rice agricultural practices, and the autonomous village structure of Vietnamese society. The study also identifies certain limitations in current history and cultural education that may lead learners to conflate cultural influence with cultural homogenization. On that basis, the article proposes pedagogical solutions regarding content, learning materials, and teaching methods to improve educational quality, foster comparative and critical thinking, and strengthen learners' awareness of cultural identity.

Keywords: Chinese culture, cultural acculturation, cultural identity, history and cultural education, Vietnamese culture.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập văn hóa sâu rộng, việc định hình nhận thức khoa học về bản sắc văn hóa dân tộc là một yêu cầu cấp thiết đối với giáo dục lịch sử và văn hóa tại Việt Nam. Trên phương diện học thuật, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã xác lập rằng sự tương đồng giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Hoa chủ yếu là hệ quả của quá trình tương tác và tiếp biến lịch sử trong bối cảnh bất đối xứng quyền lực kéo dài. Ngược lại, những khác biệt cấu trúc nền tảng lại xuất phát từ các yếu tố bản địa như điều kiện sinh thái, hình thái kinh tế - xã hội và nguồn gốc tộc người. Tuy nhiên, sự chuyển hóa các tri thức học thuật này vào nội dung và phương pháp giảng dạy trong nhà trường vẫn còn hạn chế, tạo ra khoảng cách đáng kể giữa tri thức nghiên cứu và tri thức giáo dục. Xuất phát từ thực trạng trên, bài viết mong muốn tạo kết nối kết quả nghiên cứu lịch sử - văn hóa với thực tiễn sư phạm, từ đó đề xuất một khung tiếp cận giáo dục nhằm khắc phục xu hướng nhận thức đồng nhất hóa văn hóa ở người học.

2. Cơ sở lý luận và cách tiếp cận nghiên cứu

2.1. Văn hóa - một hệ thống đa tầng: từ điều kiện tự nhiên đến cấu trúc xã hội

Trong nghiên cứu văn hóa hiện đại, văn hóa được tiếp cận như một hệ thống đa tầng (multi-layered system), hình thành từ sự tương tác lâu dài giữa con người và môi trường sinh thái chứ không đơn thuần là tập hợp các giá trị tinh thần hay phong tục tập quán. Theo nhân học và lịch sử văn hóa, điều kiện tự nhiên và sinh thái đóng vai trò nền tảng trong việc định hình phương thức sản xuất, từ đó dẫn đến sự kiến tạo các cấu trúc xã hội và hệ tư tưởng đặc thù. Ý tưởng về việc nông nghiệp không chỉ là phương thức sản xuất mà là một hệ thống xã hội - kinh tế bị định hình bởi điều kiện sinh thái xuất hiện

Email: ngaltt@ntu.edu.vn

xuyên suốt phần dẫn nhập và kết luận của cuốn “Science and Civilisation in China” của Francesca Bray. Theo bà, môi trường tự nhiên giới hạn các lựa chọn kỹ thuật quy định loại hình nông nghiệp và từ đó ảnh hưởng đến cấu trúc, hình thái và ý thức hệ xã hội [2]. Hay như cách nói của Trần Quốc Vượng (2000) về hai nền văn hóa cụ thể: “Văn hóa Việt Nam, văn minh sông Hồng và văn hóa Trung Quốc, văn minh Hoàng Hà, khác nhau từ căn bản, từ cội nguồn” [7, tr. 35]. Ông khẳng định: nhận nhìn cội nguồn và bản sắc của một nền văn hóa phải xuất phát từ những điều kiện tự nhiên, trên cơ sở đó thấy rõ văn hóa Việt Nam khác và không phải là văn hóa Trung Quốc [7, tr. 36].

Nhiều công trình kinh điển đã chứng minh mối quan hệ chặt chẽ giữa nông nghiệp lúa nước với các hình thức tổ chức cộng đồng mang tính hợp tác cao, gắn bó mật thiết với không gian cư trú khép kín (làng xóm) và thuận chu kỳ tự nhiên. Theo James C. Scott (2009): các nhà nước sơ khai ở Đông Nam Á luôn ưu tiên lúa nước (irrigated rice) bởi lúa nước là loại cây trồng dễ kiểm soát, dễ thu thuế và buộc người dân phải định cư cố định [5, tr. 64-97]. Ngược lại, các nền nông nghiệp lúa khô và chăn nuôi bán du mục thường gắn liền với không gian cư trú rộng mở, sự phân tầng xã hội rõ nét và nhu cầu tổ chức quyền lực tập trung hơn. Karl Wittfogel (1957) trong công trình kinh điển về “Nhà nước thủy lợi” đã chỉ ra rằng phương thức quản lý nguồn nước quyết định hình thái quyền lực chính trị. Trong khi Trung Hoa hình thành một đế chế tập quyền cực thịnh để kiểm soát các dòng sông lớn ở phương Bắc thì Việt Nam - dù cũng dựa trên nền tảng thủy lợi - lại duy trì một cấu trúc làng xã tự trị cao độ, nơi mà việc quản lý nước mang tính chất cộng đồng liên làng xã [8, tr. 11-48, 228-300]. Từ góc độ này, văn hóa được xem là kết tinh của một chuỗi nhân quả liên hoàn: điều kiện tự nhiên → phương thức sản xuất → cấu trúc xã hội → thiết chế chính trị - tư tưởng. Cách tiếp cận này cho phép lý giải những khác biệt văn hóa như những hệ quả lịch sử có tính quy luật thay vì các dị biệt ngẫu nhiên. Đây cũng là cơ sở lý luận quan trọng để tránh cách nhìn giản lược, đồng nhất hóa văn hóa dựa trên các biểu hiện bề mặt.

2.2. Tiếp cận so sánh văn hóa: phân biệt “ảnh hưởng” và “đồng nhất hóa”

So sánh văn hóa là phương pháp phổ biến trong nghiên cứu lịch sử và nhân học. Tuy nhiên, việc sử dụng thiếu thận trọng có thể dẫn đến những kết luận giản đơn hoặc phiến diện. Các nhà nghiên cứu đã nhiều lần khẳng định rằng, sự tồn tại của các yếu tố tương đồng không hàm ý sự phụ thuộc hay sao chép của nền văn hóa này đối với nền văn hóa khác. Braudel nhấn mạnh rằng văn hóa và lịch sử không thể được hiểu đầy đủ thông qua các sự kiện ngắn hạn đơn lẻ mà phải hiểu trong toàn cảnh rộng lớn, những cấu trúc kinh tế - xã hội - văn hóa lâu dài [1, tr. 145-158]. Một nền văn hóa liên tục vay mượn từ các nền văn hóa khác khi có tiếp xúc nhưng luôn tiếp nhận rồi tái cấu trúc trên nền tảng văn hóa bản địa chứ không phải đơn thuần là sao chép.

Trong bối cảnh Đông Á và Đông Nam Á, sự giao lưu và tiếp biến văn hóa diễn ra liên tục. Theo Keith W. Taylor, mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Hoa trong lịch sử cần được hiểu là một quá trình tương tác bất đối xứng (asymmetrical interaction), trong đó yếu tố cưỡng bức tồn tại song song với khả năng chọn lọc, điều chỉnh và bảo lưu bản sắc của cộng đồng bản địa. Trong quá trình đó có cả yếu tố chấp nhận/tiếp nhận (accommodate) và bảo lưu bản sắc/cự tuyệt khi cần thiết (preserving autonomy & resisting when necessary) [6, tr. 45-78]. Có thể nhấn mạnh thêm rằng sự bất đối xứng này không chỉ nằm ở quyền lực chính trị mà còn ở loại hình văn hóa (văn hóa đế chế hướng tâm so với văn hóa làng xã ly tâm). Điều này giải thích tại sao Việt Nam có thể tiếp nhận thiết chế tầng thượng nhưng vẫn giữ vững cấu trúc hạ tầng. Theo Phan Ngọc (1998), người Việt đã thực hiện một quá trình “khúc xạ văn hóa” - tức là tiếp nhận các giá trị từ Trung Hoa nhưng lọc qua lăng kính bản địa để tạo ra những giá trị mới phù hợp với tâm thức và nhu cầu của mình. Đây không phải là sự sao chép thụ động mà là sự “tiếp nhận trong biến đổi” đầy chủ động để bảo tồn sự tồn tại của dân tộc [4, tr. 111-131]. Do đó, việc phân biệt rõ giữa ảnh hưởng văn hóa (cultural influence) và đồng nhất hóa văn hóa (cultural homogenization) là yêu cầu mang tính phương pháp luận tiên quyết. Ảnh hưởng văn hóa chỉ ra sự tiếp nhận có chọn lọc các yếu tố ngoại sinh, được tái cấu trúc để phù hợp với bối cảnh bản địa; trong khi đồng nhất hóa văn hóa là quá trình làm mờ hoặc triệt tiêu những khác biệt nền tảng, dẫn đến sự phủ nhận giá trị tự thân của một nền văn hóa. Áp dụng cách phân biệt này vào giáo dục sẽ giúp người học nhận thức được rằng

việc Việt Nam tiếp thu chữ Hán, mô hình nhà nước hay lễ nghi không đồng nghĩa với việc văn hóa Việt Nam bị hòa tan hay đánh mất bản sắc.

2.3. Khoảng cách giữa tri thức học thuật và tri thức giáo dục

Mặc dù các nghiên cứu học thuật đã cung cấp những luận cứ đầy đủ về tính độc lập và đặc thù của văn hóa Việt Nam, song những tri thức này chưa được chuyển hóa tương xứng vào nội dung và phương pháp giảng dạy. Trong các chương trình và học liệu hiện hành, nội dung giảng dạy lịch sử - văn hóa vẫn còn thiên về trình bày sự kiện và triều đại, trong khi chưa chú trọng đúng mức đến các cấu trúc văn hóa nền tảng và cách tiếp cận so sánh mang tính hệ thống.

Khoảng cách này góp phần duy trì những nhận thức sai lệch, đặc biệt là xu hướng đánh đồng “tương đồng” với “bắt chước”, “ảnh hưởng” với “phụ thuộc”. Từ góc độ giáo dục, việc thu hẹp khoảng cách này không chỉ có ý nghĩa nâng cao chất lượng dạy học mà còn góp phần hình thành cho người học năng lực tư duy phản biện, tư duy lịch sử và ý thức tự tôn văn hóa trong bối cảnh hội nhập.

3. Những khác biệt nền tảng giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Hoa

3.1. Khác biệt về điều kiện tự nhiên và nền tảng nông nghiệp

Một trong những khác biệt căn bản nhất bắt nguồn từ điều kiện sinh thái. Khu vực hình thành văn hóa Việt cổ thuộc không gian nhiệt đới gió mùa, với hệ thống sông ngòi dày đặc, điều kiện thuận lợi cho canh tác lúa nước. Nền nông nghiệp này đòi hỏi sự phối hợp cộng đồng chặt chẽ trong việc quản lý nguồn nước, từ đó hình thành lối sống định cư, tính cộng đồng cao và mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa con người với tự nhiên. Vận dụng lý thuyết của Francesca Bray (1984) về mối liên hệ giữa phương thức canh tác lúa nước và sự hình thành các thiết chế cộng đồng, có thể dễ dàng giải thích: cư dân Việt cổ sống trên vùng đất có hệ thống sông ngòi dày đặc, thích hợp cho việc canh tác lúa nước đòi hỏi quản lý hệ thống thủy lợi phức tạp nên nó thúc đẩy sự hợp tác cộng đồng (communal cooperation) và sự gắn kết chặt chẽ trong tổ chức xã hội cấp cơ sở (như làng xã) đã tạo nên lối sống định cư và tính cộng đồng cao [2, tr. 496-510]. Đây chính là cội nguồn của tinh thần đoàn kết làng xã và ý thức về “quê cha đất tổ” - một hằng số văn hóa giúp người Việt không bị tan biến sau hàng ngàn năm Bắc thuộc. Ngược lại, văn hóa Trung Hoa cổ đại, đặc biệt là ở lưu vực Hoàng Hà, được hình thành trên cơ sở nền nông nghiệp lúa khô (lúa mì, kê) kết hợp với chăn nuôi bán du mục. Điều kiện khí hậu khắc nghiệt và tài nguyên phân bố không đồng đều đòi hỏi sự di chuyển, mở rộng không gian và cấu trúc xã hội mang tính thứ bậc nghiêm ngặt, thúc đẩy nhu cầu tổ chức xã hội theo hướng tập trung quyền lực nhằm kiểm soát lao động và an ninh. Theo cách nói của Wittfogel (1957): “Xã hội thủy lợi” (Hydraulic Society): ở những vùng khan hiếm nước nhưng có đất đai màu mỡ, con người phải xây dựng hệ thống kênh mương quy mô lớn. Việc quản lý hệ thống này đòi hỏi một bộ máy trung ương tập quyền cực mạnh [8, tr. 11-22]. Sự khác biệt về nền tảng sinh thái này đã in dấu sâu đậm trong cấu trúc xã hội, tín ngưỡng và thế giới quan của mỗi cộng đồng.

3.2. Khác biệt về cấu trúc xã hội: làng xã tự trị và mô hình đế chế tập quyền

Trên nền tảng sinh thái và kinh tế - xã hội khác nhau, hai mô hình cấu trúc xã hội đặc trưng đã được kiến tạo. Ở Việt Nam, nền kinh tế tiểu nông tự cấp tạo điều kiện cho sự phát triển của đơn vị xã hội cơ bản là làng xã với tính cộng đồng cao và tính tự trị mạnh mẽ. Làng xã Việt Nam là một tổ chức vô cùng chặt chẽ, ổn định, bền vững, khép kín bởi được tổ chức trên nhiều nguyên tắc mà hai nguyên tắc cơ bản và đầu tiên nhất là huyết thống và địa bàn cư trú. Làng là một cộng đồng tự quản với các quy ước (hương ước), phong tục và thiết chế riêng (lệ làng), tồn tại tương đối bền vững ngay cả khi quyền lực trung ương suy yếu. Cấu trúc này góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương và tạo nên sức đề kháng trước các quá trình đồng hóa từ bên ngoài [3, tr. 45-62].

Trong khi đó, xã hội Trung Hoa truyền thống được tổ chức theo mô hình đế chế tập quyền, với hệ thống hành chính chặt chẽ và sự phân tầng xã hội rõ rệt. Mô hình này tạo điều kiện cho sự tích lũy quyền lực và tri thức trên quy mô rộng, song đồng thời cũng làm gia tăng sự phụ thuộc của cộng đồng địa phương vào bộ máy trung ương. Sự khác biệt này cho thấy rằng, việc tiếp thu các thiết chế nhà

nước hay pháp luật từ Trung Hoa trong lịch sử Việt Nam không đồng nghĩa với việc sao chép nguyên vẹn mô hình xã hội. Trái lại, các thiết chế ngoại lai thường được điều chỉnh để phù hợp với cấu trúc làng xã vốn có, qua đó duy trì tính liên tục của văn hóa bản địa.

3.3. Tiếp biến lịch sử và sức đề kháng hóa của người Việt

Lịch sử Việt Nam ghi nhận giai đoạn dài chịu sự đô hộ và ảnh hưởng mạnh mẽ từ Trung Hoa. Tuy nhiên, quá trình này không dẫn đến sự hòa tan văn hóa mà trái lại làm nổi bật khả năng tiếp thu có chọn lọc và sức đề kháng văn hóa của cộng đồng người Việt. Trong quá trình dài cả nghìn năm đó, dù chịu áp lực nặng nề về chính trị và tất nhiên cả văn hóa song người Việt luôn tiếp thu có chọn lọc nhiều yếu tố Trung Hoa, kiên cường giữ lại bản sắc văn hóa và quyền tự chủ riêng và chống lại sự áp đặt khi cần thiết. K.W.Taylor mô tả quan hệ lịch sử Việt - Trung như một quá trình tương tác bất đối xứng (asymmetrical interaction): Việt Nam không đơn thuần là bị áp đặt bởi Trung Hoa mà đã biết tiếp nhận một cách chọn lọc các yếu tố Trung Hoa đồng thời duy trì quyền tự chủ và bản sắc riêng [6, tr. 92].

Việc tiếp nhận chữ Hán, mô hình hành chính hay một số hệ tư tưởng như Nho giáo chủ yếu diễn ra ở tầng thượng tầng xã hội và trong giới tinh hoa, trong khi các yếu tố văn hóa nền tảng như tổ chức làng xã, tín ngưỡng dân gian và nhiều phong tục bản địa vẫn được bảo lưu vững chắc. Đáng chú ý, ngay cả khi vay mượn hình thức pháp luật, các triều đại Việt Nam vẫn luật hóa nhiều tập quán truyền thống (điển hình là Luật Hồng Đức), thể hiện sự nội địa hóa mạnh mẽ. Trong nghiên cứu của mình, Phan Ngọc nhấn mạnh rằng tiếp nhận chữ Hán và Nho giáo chủ yếu diễn ra ở tầng lớp trí thức, trong khi các yếu tố văn hóa bản địa như tổ chức làng xã và tín ngưỡng dân gian vẫn được bảo lưu mạnh mẽ. “Đạo Nho khi vào Việt Nam đã “bị khúc xạ”, không trở thành hệ tư tưởng chi phối toàn bộ xã hội như ở Trung Hoa mà chủ yếu tồn tại trong tầng lớp trí thức và quan lại” song “Dù chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Hán, các nhà Nho Việt Nam vẫn “trước hết là con người của làng xã”, gắn bó với không gian tín ngưỡng và phong tục bản địa” [4, tr. 183-185, 214-218]. Tương tự, Trần Quốc Vượng cho rằng văn hóa Việt Nam là một hệ thống dung hợp giữa yếu tố ngoại lai và nội sinh, trong đó các yếu tố ngoại lai được nội địa hóa, thể hiện rõ trong văn hóa chính trị, pháp luật và phong tục bản địa, “Dù tiếp thu mô hình nhà nước Trung Hoa, xã hội Việt Nam vẫn vận hành dựa trên cấu trúc làng xã - tế bào xã hội bền vững nhất” [7, tr. 87-92]. Đây chính là một dạng “phản kháng văn hóa thông qua tiếp nhận” - dùng chính công cụ của ngoại bang để bảo vệ giá trị bản địa.

Nhìn từ góc độ giáo dục, việc nhận diện đúng quá trình tiếp biến này có ý nghĩa quan trọng, giúp người học hiểu rằng ảnh hưởng văn hóa là hiện tượng phổ biến và tất yếu, song không đồng nghĩa với đánh mất bản sắc. Ngược lại, chính khả năng tiếp thu, cải biến và nội địa hóa các yếu tố bên ngoài đã góp phần hình thành diện mạo riêng của văn hóa Việt Nam.

4. Biểu hiện sai lệch trong dạy và học Lịch sử - Văn hóa hiện nay

4.1. Biểu hiện trong giáo dục

Trong giáo dục phổ thông, lịch sử và văn hóa Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu được giảng dạy theo trình tự niên đại và triều đại, với trọng tâm là các sự kiện chính trị - quân sự, chưa tạo điều kiện để người học hiểu sâu về các cấu trúc văn hóa nền tảng và mối quan hệ hệ thống giữa lịch sử Việt Nam với không gian văn hóa khu vực. Điều này tạo ra cách tiếp cận giải thích đơn tuyến (linear explanation). Giáo sư Đỗ Thanh Bình phát biểu trong Hội thảo khoa học quốc gia: “*Môn Lịch sử trong Chương trình giáo dục phổ thông mới: Vấn đề đặt ra đối với nghiên cứu, giảng dạy*” tổ chức ngày 26/8/2023 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: chương trình Lịch sử ở trung học cơ sở và trung học phổ thông vẫn nặng kiến thức và khó phù hợp với nhận thức học sinh do cách dạy gắn chặt với trình tự niên đại và sự kiện thay vì các phương pháp phân tích, đặt câu hỏi hay tư duy phản biện.

Ở bậc đại học, mặc dù nội dung giảng dạy đã mở rộng hơn về mặt lý luận, song việc tiếp cận vẫn còn mang tính phân mảnh, thiếu tư duy so sánh liên ngành, chưa chú trọng đúng mức đến việc hình thành cho sinh viên năng lực tư duy so sánh và tư duy lịch sử - văn hóa. Sự thiếu các góc nhìn liên ngành (nhân học, khảo cổ học, văn hóa học khu vực) khiến người học khó nhận diện những khác biệt

nền tảng, không có khả năng tư duy phản biện nên dễ rơi vào hai thái cực: phủ nhận tuyệt đối ảnh hưởng từ bên ngoài, hoặc tuyệt đối hóa vai trò của một nền văn hóa khác.

4.2. Hệ quả đối với nhận thức và ý thức văn hóa của người học

Những biểu hiện sai lệch trong dạy và học đã dẫn đến một số hệ quả đáng chú ý, cụ thể:

Thứ nhất, người học thiếu khả năng phân biệt giữa ảnh hưởng văn hóa và đồng nhất hóa văn hóa, dẫn đến việc đánh giá sai lệch vai trò của các yếu tố ngoại lai trong lịch sử phát triển của văn hóa Việt Nam.

Thứ hai, việc tiếp nhận lịch sử - văn hóa theo cách giản lược và phi hệ thống dễ làm suy giảm ý thức tự tôn văn hóa, đặc biệt trong bối cảnh giao lưu quốc tế. Khi không được trang bị công cụ tư duy để hiểu đúng về cội rễ và quá trình hình thành bản sắc, người học có xu hướng hoặc tự ti, hoặc phản ứng cảm tính, thiếu cơ sở khoa học.

Thứ ba, những hạn chế này ảnh hưởng đến mục tiêu giáo dục lâu dài là hình thành năng lực công dân văn hóa - những cá nhân có khả năng hiểu, trân trọng và giới thiệu bản sắc văn hóa dân tộc một cách tự tin, tinh táo và có trách nhiệm. Từ thực tiễn đó, việc điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học Lịch sử - Văn hóa theo hướng khoa học, hệ thống và liên ngành trở thành yêu cầu cấp thiết.

5. Giải pháp giáo dục nhằm khắc phục xu hướng đồng nhất hóa văn hóa

Xu hướng đồng nhất hóa văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa trong nhận thức của người học chủ yếu xuất phát từ cách thức tổ chức nội dung, học liệu và phương pháp dạy học chưa phù hợp. Do đó, các giải pháp giáo dục cần được triển khai đồng bộ, hướng tới việc hình thành cho người học năng lực tư duy lịch sử - văn hóa và khả năng tiếp cận tri thức một cách khoa học.

5.1. Nội dung và học liệu dạy học

Trước hết, nội dung dạy học Lịch sử - Văn hóa cần được tái cấu trúc theo hướng làm rõ cội rễ sinh thái, kinh tế - xã hội của văn hóa Việt Nam. Việc trình bày lịch sử văn hóa trong mối tương quan với điều kiện tự nhiên, phương thức sản xuất và cấu trúc xã hội sẽ giúp người học xác lập rằng những khác biệt văn hóa là hệ quả của những điều kiện lịch sử - địa lý cụ thể. Bên cạnh đó, khi đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng từ Trung Hoa, nội dung giảng dạy cần phân tích sâu bối cảnh tiếp biến, phân định rạch ròi giữa việc tiếp thu hình thức và bảo lưu lõi văn hóa.

Đối với giáo dục đại học, việc tích hợp kiến thức liên ngành từ nhân học, văn hóa học và khảo cổ học có thể góp phần làm phong phú nội dung giảng dạy, đồng thời cung cấp cho sinh viên những công cụ lý luận cần thiết để phân tích các vấn đề văn hóa một cách toàn diện. Cần tăng cường xây dựng các học liệu mang tính so sánh khu vực (Đông Nam Á, Đông Á), khai thác các tư liệu khảo cổ và văn hóa vật thể để giúp người học tiếp cận lịch sử - văn hóa một cách trực quan.

5.2. Phương pháp dạy học

Về phương pháp, dạy học Lịch sử - Văn hóa cần chuyển sang mô hình dạy học phát triển tư duy (inquiry-based learning), trong đó người học được đặt vào vị trí chủ thể kiến tạo tri thức thông qua khám phá và đối chiếu.

Một trong những hướng tiếp cận có tính đột phá là dạy học dựa trên các nhận thức sai phổ biến (misconceptions). Giáo viên có thể sử dụng quan niệm “văn hóa Việt là bản sao của văn hóa Trung Hoa” làm tình huống xuất phát, từ đó dẫn dắt người học phân tích, phản biện và điều chỉnh nhận thức.

Phương pháp so sánh văn hóa cần được sử dụng một cách có kiểm soát và định hướng, chú trọng vào việc lý giải sự tương đồng gắn với bối cảnh lịch sử - xã hội cụ thể, thay vì chỉ dừng lại ở sự liệt kê. Ngoài ra, việc khai thác các tình huống học tập gắn với đời sống đương đại (ví dụ: phân tích các diễn ngôn trên truyền thông số) sẽ giúp người học rèn luyện khả năng đánh giá thông tin và ứng dụng tri thức lịch sử - văn hóa vào thực tiễn.

Bên cạnh đó, trong dạy học Lịch sử - Văn hóa ở nhà trường phổ thông cần chú trọng hơn tới việc bồi dưỡng cho giáo viên năng lực tiếp cận liên ngành, kết hợp kiến thức lịch sử, văn hóa học và giáo dục

công dân giúp học sinh hiểu đúng bản chất của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam - Trung Hoa. Việc tổ chức các hoạt động học tập theo hướng phân tích tư liệu, so sánh lịch sử và thảo luận nhóm không chỉ góp phần hình thành tư duy phản biện mà còn giúp học sinh nhận thức rõ hơn vai trò chủ thể của cộng đồng người Việt trong việc tiếp nhận, chọn lọc và nội địa hóa các yếu tố văn hóa ngoại lai. Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học và phát triển phẩm chất, năng lực người học trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện nay.

6. Kết luận

Từ góc độ lịch sử - văn hóa, bài viết đã chỉ ra rằng quan điểm đồng nhất hóa văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa là một cách nhìn giản lược, bỏ qua những khác biệt cấu trúc nền tảng bắt nguồn từ điều kiện tự nhiên, phương thức sản xuất và cấu trúc xã hội của hai cộng đồng. Những tương đồng tồn tại chủ yếu là kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến và tương tác lịch sử lâu dài. Việc lý giải đúng bản chất của quá trình này có ý nghĩa quan trọng đối với giáo dục lịch sử và văn hóa hiện nay.

Các giải pháp được đề xuất trong bài viết nhấn mạnh việc làm rõ cội rễ hình thành văn hóa, phát triển tư duy so sánh và tư duy phản biện cho người học, đồng thời tăng cường đào tạo giáo viên và xây dựng học liệu phù hợp. Những giải pháp này không nhằm phủ nhận ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài mà hướng tới việc giúp người học phân biệt rõ giữa ảnh hưởng và đồng nhất hóa, qua đó hình thành ý thức tự tôn văn hóa dựa trên hiểu biết khoa học, tỉnh táo và có trách nhiệm.

Có thể khẳng định việc dạy học Lịch sử - Văn hóa không chỉ nhằm truyền đạt tri thức về quá khứ mà còn góp phần hình thành năng lực công dân văn hóa trong xã hội hiện đại. Khi người học được trang bị khả năng hiểu đúng về cội nguồn và bản sắc văn hóa dân tộc, họ sẽ có nền tảng vững chắc để tiếp nhận các giá trị văn hóa khác một cách chủ động, chọn lọc và tự tin trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc giáo dục đúng đắn về quan hệ văn hóa Việt - Trung không chỉ để bảo tồn quá khứ mà còn là nền tảng để xây dựng "năng lực hội nhập không hòa tan" cho thế hệ trẻ trong tương lai. Đặc biệt, ngày nay trước thách thức của mạng xã hội và truyền thông số, học sinh, sinh viên có thêm nhiều kênh tiếp nhận lịch sử - văn hóa nếu không có những hiểu biết nền tảng vững chắc và năng lực tư duy hiệu quả sẽ rất dễ nhầm lẫn về cổ phục, kiến trúc,... Người thầy ở các cấp giáo dục và đào tạo cần có định hướng và rèn luyện cho người học tư duy phản biện trước các luồng thông tin mạng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Braudel, F. (1980). *Civilization and Capitalism, 15th-18th Century*. Berkeley: University of California Press.
- [2] Bray, F. (1984). Agriculture. In J. Needham (Ed.), *Science and Civilisation in China* (Vol. 6). Cambridge: Cambridge University Press.
- [3] Nguyễn Từ Chi (1996). *Cơ cấu tổ chức làng Việt cổ truyền*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Phan Ngọc (1998). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [5] Scott, J. C. (2009). *The Art of Not Being Governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*. New Haven: Yale University Press.
- [6] Taylor, K. W. (2013). *A History of the Vietnamese*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [7] Trần Quốc Vượng (2000). *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [8] Wittfogel, K. A. (1957). *Oriental Despotism: A Comparative Study of Total Power*. New Haven: Yale University Press.